

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HS-ST**

Ngày 05/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Vũ Văn Hợp**

2/ Bà **Danh Mỹ Hạnh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2020/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST– HS ngày 20 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1987 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp VT, xã VT, huyện GR, KG; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn N; sinh năm 1962 và bà Phan Thị L, sinh năm 1963; Vợ tên Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Nguyễn Mạnh Tr;** sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: ấp ĐL, xã TĐ, huyện TH, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Anh K,** sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: KP. N, TT. GR, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 45 phút ngày 30 tháng 10 năm 2019, Nguyễn Văn T sau khi đi xe của Công ty cổ phần xe khách Phương Trang từ bến xe Miền Tây đến bến xe khách tỉnh Kiên Giang ở ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để chờ xe trung chuyển. Tại đây, T quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 68T1 – 320.30 của anh Nguyễn Mạnh Tr đậu gần nhà chờ xe Phương Trang có chìa khóa gắn vào ổ khóa của yên xe nhưng không có người trông giữ nên T lấy chìa khóa mở ổ khóa xe, khởi động nổ máy điều khiển xe về đậu sau hè nhà của T ở ấp VT, xã VT, huyện GR, KG rồi đi vào nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, T mở yên xe lên thấy phía dưới yên xe có 01 chiếc ví da nam màu nâu, T lục soát bên trong ví có: Tiền Việt Nam là 70.000 đồng; 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang BSKS 68T1 – 320.30, 01 giấy bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng SCB, trong tài khoản không có tiền đều mang tên Nguyễn Mạnh Tr rồi điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Anh K do ông Lê Anh K làm chủ ở đường Hùng Vương, khu phố 6, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bán được 12.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, T đi bộ đến cầu Bông Súng gần chợ Giồng Riềng, T lấy tiền 70.000 đồng bên trong ví ra còn chiếc ví cùng với các giấy tờ khác ném bỏ xuống sông rồi đi xe honda ôm về nhà sử dụng hết số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 39 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thể hiện: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA số loại Wave anpha, màu xanh ngọc, biển kiểm soát 68T1 – 320.30 có giá là 13.074.400 đồng.

Sau khi bị mất trộm tài sản, Nguyễn Mạnh Tr đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành trình báo sự việc, đến ngày 30 tháng 11 năm 2019 Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 09 tháng 12 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Châu Thành tiến hành khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave anpha, màu xanh ngọc, biển số kiểm soát 68T1 – 320.30 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 014900. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã thu hồi trả lại cho Nguyễn Mạnh Tr là chủ sở hữu.

- Đối với 01 chiếc ví da nam màu nâu; 01 giấy phép lái xe, 01 giấy bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng SCB đều mang tên Nguyễn Mạnh Tr, T khai nhận đã ném bỏ xuống sông ngay cầu Bông Súng gần chợ Giồng Riềng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tổ chức truy tìm nhưng kết quả không tìm thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện, người bị hại anh Nguyễn Mạnh Tr đã nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave anpha, màu xanh ngọc, biển số kiểm soát 68T1 – 320.30 cùng với giấy đăng ký xe mô tô số 014900. Đồng thời yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 70.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm; riêng đối với 01 chiếc ví da nam và chi phí làm lại các giấy tờ thì Tr không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường do đó không xem xét.

Đối với Lê Anh K yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền dùng để mua xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave anpha, màu xanh ngọc, biển số kiểm soát 68T1 – 320.30 là 12.000.000 đồng do T mang đến bán. T đồng ý bồi thường cho K, nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Đối với Lê Anh K là người mua chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 68T1 – 320.30 do Nguyễn Văn T mang đến bán, K không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-CT ngày 21/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Mạnh Tr số tiền 70.000 đồng và trả lại cho ông Lê Anh K số tiền 12.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 01 giờ 45 phút, ngày 30/10/2019 Nguyễn Văn T từ thành phố Hồ Chí Minh đi về bến xe khách tỉnh Kiên Giang cư ngụ tại ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chờ xe trung chuyển, T quan sát thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Anpha mang biển số kiểm soát 68T1 – 320.30 (xe này của anh Nguyễn Mạnh Tr) đang đậu gần nhà chờ xe Phương Trang có sẵn chìa khóa trên xe nhưng không có người trông giữ, T lén lút lấy trộm chiếc xe trên chạy về giấu phía sau hè nhà T ở ấp Vĩnh Thành. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T mở cốp xe thì thấy chiếc bóp da nam màu nâu, bên trong bóp có 70.000 đồng; 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang BSKS 68T1 – 320.30, 01 giấy bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng SCB. Sau đó, T mang chiếc xe trên đến tiệm cầm đồ Anh K bán được 12.000.000 đồng, rồi đi bộ về nhà trên đường đi đến căn Bông Súng

gần chợ Giồng Riềng, T mở bóp anh Tr lấy 70.000 đồng, còn các giấy tờ còn lại T ném xuống sông. Theo kết quả định giá thì chiếc xe mà bị cáo lấy trộm của anh Tr có giá trị là 13.074.400 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Tr là 13.144.400 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, việc bị cáo lén lút tài sản của bị hại có giá trị 13.144.400 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

Qua hồ sơ vụ án HĐXX nhận định như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thức rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức hậu quả gây ra, thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động nên khi nhìn thấy xe anh Tr đang đậu cạnh nhà chờ Phương Trang trên xe có sẵn chìa khóa bị cáo liền nhanh tay lấy cắp đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân làm cho họ không an tâm lao động, sản xuất. HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về T tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú trước pháp luật; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

5.1 Tại phiên tòa người bị hại anh Nguyễn Mạnh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn anh Tr có thể hiện rõ anh yêu cầu bị cáo trả lại cho anh Tr số tiền 70.000 đồng mà bị cáo đã lấy của anh, còn chiếc xe bị mất anh đã được nhận lại

nên về phần chiếc xe anh không có yêu cầu gì. Bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên theo yêu cầu của anh Tr nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

5.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh K cũng có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn ông K yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 12.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra mua xe của bị cáo, ngoài số tiền trên ông K không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo chấp nhận trả lại số tiền trên theo yêu cầu của ông K nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự xử, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Mạnh Tr số tiền 70.000 đồng và trả lại cho ông Lê Anh K số tiền 12.000.000 đồng.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $(12.070.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 603.500$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tr hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong